

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ
PHÚ NHUẬN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Quýnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Phạm Quốc Công	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 01 tháng 3 năm 2016

Số: 275 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán với báo cáo kiểm toán độc lập ngày phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 01 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thế
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2649-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.249.671.374.204	1.803.181.850.800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.348.296.246	35.139.719.411
1. Tiền	111	5	34.348.296.246	35.139.719.411
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	65.000.000	65.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.000.000	65.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.885.770.899	76.957.255.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.617.644.782	45.069.065.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.150.910.662	16.213.997.161
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.556.219.212	22.524.963.387
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(7.752.218.659)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	560.996.243	901.448.285
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.116.642.713.460	1.655.596.302.559
1. Hàng tồn kho	141		2.116.642.713.460	1.655.596.302.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.729.593.599	35.423.573.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	43.626.588.708	27.110.751.151
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.659.558.376
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.103.004.891	4.653.263.806
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		707.928.484.787	1.010.005.918.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.841.475.040	13.014.032.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	20.841.475.040	13.014.032.750
II. Tài sản cố định	220		484.951.879.839	451.461.210.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	192.581.923.667	160.211.532.448
- Nguyên giá	222		323.732.078.905	263.929.102.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.150.155.238)	(103.717.569.903)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	292.369.956.172	291.249.678.256
- Nguyên giá	228		295.745.366.571	293.121.956.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.375.410.399)	(1.872.278.315)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.279.408.722	739.090.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	6.279.408.722	739.090.200
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		166.084.385.537	531.735.510.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	91.866.300.000	91.866.300.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	395.271.613.400	460.651.988.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(341.053.527.863)	(40.782.777.863)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.771.335.649	13.056.073.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	27.274.383.579	12.134.611.001
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	2.496.952.070	921.462.852
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.957.599.858.991	2.813.187.768.844

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.584.536.605.959	1.546.477.098.360
I. Nợ ngắn hạn	310		1.502.304.378.590	1.408.892.716.260
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	191.490.239.870	141.440.940.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.602.104.470	10.577.252.253
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	27.769.837.431	45.248.221.899
4. Phải trả người lao động	314		16.702.705.380	26.969.847.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.909.222.768	4.188.467.510
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	28.340.702.014	41.515.425.628
7. Vay ngắn hạn	320	22	1.195.260.458.896	1.131.686.128.041
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.229.107.761	7.266.433.421
II. Nợ dài hạn	330		82.232.227.369	137.584.382.100
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	3.403.668.000	455.382.100
2. Vay dài hạn	338	23	72.388.000.000	137.129.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	6.440.559.369	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.373.063.253.032	1.266.710.670.484
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.373.063.253.032	1.266.710.670.484
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		982.745.770.000	755.970.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		982.745.770.000	755.970.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	105.021.650.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.090.000)	(7.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.647.610.783	232.805.050.783
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.676.962.249	172.920.709.701
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.058.300.901	6.934.261.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		159.618.661.348	165.986.448.099
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.957.599.858.991	2.813.187.768.844


 Nguyễn Thành Đạt
 Người lập biểu


 Đặng Thị Lài
 Kế toán trưởng



 Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc
 Ngày 01 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27		7.697.947.292.121	7.213.329.446.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27		32.772.062.485	15.774.625.318
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10			7.665.175.229.636	7.197.554.820.804
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28		6.526.825.680.421	6.407.382.523.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20			1.138.349.549.215	790.172.297.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30		25.202.741.050	48.071.487.482
7. Chi phí tài chính	22	31		430.803.003.461	95.054.464.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			81.048.729.469	72.826.281.233
8. Chi phí bán hàng	25	32		414.552.191.198	310.939.565.559
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33		115.421.041.014	105.943.645.106
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30			202.776.054.592	326.306.110.395
11. Thu nhập khác	31			1.622.837.532	1.510.091.758
12. Chi phí khác	32			4.225.673.585	1.025.601.064
13. (Lỗ)/ Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			(2.602.836.053)	484.490.694
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50			200.173.218.539	326.790.601.089
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34		42.130.046.409	70.308.883.318
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34		(1.575.489.218)	(219.612.528)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51+52)	60			159.618.661.348	256.701.330.299

Nguyễn Thành Đạt
Người lập biểu

Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	200.173.218.539	326.790.601.089
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.185.600.250	20.878.766.466
Các khoản dự phòng	03	298.959.090.710	12.832.323.710
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	286.018.688	-
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	14.821.372.923	(40.108.279.979)
Chi phí lãi vay	06	81.048.729.469	72.826.281.233
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	625.474.030.579	393.219.692.519
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	54.254.610.853	(15.740.279.688)
Tăng hàng tồn kho	10	(461.046.410.901)	(418.704.484.266)
Tăng các khoản phải trả	11	40.246.437.507	74.505.345.991
Tăng chi phí trả trước	12	(31.655.610.135)	(9.992.595.109)
Tiền lãi vay đã trả	14	(80.553.486.249)	(77.014.748.743)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(65.383.335.384)	(70.249.936.772)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.624.506.660)	(45.153.180.179)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	65.711.729.610	(169.130.186.247)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(69.216.587.907)	(38.054.500.322)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	301.946.364	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	26.152.150.000	220.269.982.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.905.713	11.791.938.510
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(42.657.585.830)	194.007.420.188
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.751.829.672.583	4.288.198.884.470
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.752.996.341.728)	(4.074.145.320.054)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(22.678.897.800)	(241.907.534.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(23.845.566.945)	(27.853.969.784)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(791.423.165)	(2.976.735.843)
Tiền đầu năm	60	35.139.719.411	38.116.455.254
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	34.348.296.246	35.139.719.411

Nguyễn Thành Đạt
Người lập biểu

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Giao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 01 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.494 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm chín mươi bốn (194) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các công ty con, công ty liên kết của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO- Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ- Công ty con
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á- Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 41 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận tại Thành phố Huế
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Vĩnh Long
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

30-00
HÀNH
G. TY
EM H
JITT
I. NA
P. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hường dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cho mục đích phục vụ việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay ngắn hạn tài trợ vốn cho các dự án. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	25.181.118.280	28.757.507.093
Tiền gửi ngân hàng	7.132.550.966	4.660.869.318
Tiền đang chuyển	2.034.627.000	1.721.343.000
	<u>34.348.296.246</u>	<u>35.139.719.411</u>

Khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là vàng nguyên liệu với giá trị là 234.599.264.879 đồng được phân loại lại sang khoản mục hàng tồn kho cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014-TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc YND	Dự phòng YND	Giá trị hợp lý USD	Giá gốc YND	Dự phòng YND	Giá trị hợp lý YND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn	65.000.000	-	65.000.000	65.000.000	-	65.000.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Thời trang CAO</i>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Giám đốc PHU</i>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Đầu tư vào công ty liên kết:	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á</i>	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537	91.866.300.000	(30.473.664.463)	61.392.635.537
- Đầu tư vào đơn vị khác:	395.271.613.400	(10.579.863.400)	84.691.750.000	460.651.988.400	(10.309.113.400)	450.342.875.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần</i>						
<i>Đông Á ("DAB") (*)</i>	395.271.613.400	(10.579.863.400)	84.691.750.000	395.271.613.400	(10.309.113.400)	384.962.500.000
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản</i>						
<i>Sài Gòn Mộc</i>	-	-	-	65.380.375.000	-	65.380.375.000
	507.202.913.400	(341.053.527.863)	166.149.385.537	572.583.288.400	(40.782.777.863)	531.800.510.537

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên kết trong năm (xem Thuyết minh số 37).

(*) Vào ngày 14 tháng 8 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định đưa vào diện kiểm soát đặc biệt đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Ngân hàng này đầy đủ và phù hợp với các qui định kế toán hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 YND	31/12/2014 YND
Công ty TNHH ToTal Gaz Vietnam	362.078.769	13.274.137.702
FH Trautz GmbH	6.531.852.825	4.084.326.480
Các khoản phải thu khách hàng khác	22.723.713.188	27.710.601.141
	29.617.644.782	45.069.065.323

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 YND	31/12/2014 YND
a. Ngắn hạn		
- Ký quỹ ngắn hạn thuê cửa hàng	1.050.979.825	644.633.055
- Phải thu khác	13.505.239.387	21.880.330.332
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO</i>	8.000.000.000	4.979.800.000
<i>Khác</i>	5.505.239.387	16.900.530.332
	14.556.219.212	22.524.963.387
b. Dài hạn		
- Ký quỹ dài hạn thuê cửa hàng	20.841.475.040	13.014.032.750

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng	VND Giá trị	Số lượng	VND Giá trị
Vàng (chì)	289,78	485.490.600	149,99	499.999.998
Tài sản khác	-	75.505.643	-	401.448.287
	289,78	560.996.243	149,99	901.448.285

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND Giá gốc	VND Giá gốc
Hàng mua đang đi đường	9.502.592.792	608.973.823
Nguyên liệu, vật liệu	91.664.955.905	100.733.744.306
Công cụ, dụng cụ	20.578.565.163	19.832.568.407
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	131.664.308.110	147.200.324.226
Thành phẩm	134.240.935.308	129.280.128.300
Hàng hoá	1.689.170.023.391	1.219.465.105.121
Hàng gửi bán	39.821.332.791	38.475.458.376
	2.116.642.713.460	1.655.596.302.559

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị là 465.916.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 570.000.000.000 đồng) đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng	4.799.961.022	3.361.387.270
- Chi phí đồng phục nhân viên	5.852.667.700	3.856.037.600
- Chi phí công cụ và dụng cụ	26.396.589.873	15.041.864.775
- Chi phí sửa chữa, khác	6.577.370.113	4.851.461.506
	43.626.588.708	27.110.751.151
b. Dài hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng	3.341.918.467	3.198.215.073
- Chi phí công cụ và dụng cụ	9.163.390.629	4.039.577.270
- Chi phí sửa chữa, khác	14.769.074.483	4.896.818.658
	27.274.383.579	12.134.611.001

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	120.558.292.982	116.606.709.230	11.093.892.423	15.670.207.716	263.929.102.351
Tăng trong năm	4.888.027.522	34.843.593.288	4.543.371.000	16.777.867.575	61.052.859.385
Thanh lý	-	-	(544.933.636)	(704.949.195)	(1.249.882.831)
Tại ngày 31/12/2015	<u>125.446.320.504</u>	<u>151.450.302.518</u>	<u>15.092.329.787</u>	<u>31.743.126.096</u>	<u>323.732.078.905</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	16.298.558.314	69.212.941.423	6.375.012.790	11.831.057.376	103.717.569.903
Khấu hao trong năm	5.306.503.177	15.312.500.097	1.023.736.044	7.039.728.848	28.682.468.166
Thanh lý	-	-	(544.933.636)	(704.949.195)	(1.249.882.831)
Tại ngày 31/12/2015	<u>21.605.061.491</u>	<u>84.525.441.520</u>	<u>6.853.815.198</u>	<u>18.165.837.029</u>	<u>131.150.155.238</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	<u>103.841.259.013</u>	<u>66.924.860.998</u>	<u>8.238.514.589</u>	<u>13.577.289.067</u>	<u>192.581.923.667</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>104.259.734.668</u>	<u>47.393.767.807</u>	<u>4.718.879.633</u>	<u>3.839.150.340</u>	<u>160.211.532.448</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.407.021.450 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 45.600.215.654 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	285.183.268.988	7.938.687.583	293.121.956.571
Tăng trong năm	2.623.410.000	-	2.623.410.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>287.806.678.988</u>	<u>7.938.687.583</u>	<u>295.745.366.571</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	1.872.278.315	1.872.278.315
Khấu hao trong năm	-	1.503.132.084	1,503.132.084
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>3.375.410.399</u>	<u>3.375.410.399</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	<u>285.183.268.988</u>	<u>6.066.409.268</u>	<u>291.249.678.256</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>285.183.268.988</u>	<u>6.066.409.268</u>	<u>291.249.678.256</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23, giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ở các ngân hàng thương mại là 106.543.452.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 106.543.452.000 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.112.471.613 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015 VND	Số phải thu/nợ VND	Số đã thu/nợ VND	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	4.525.720.813	(42.238.028.172)	38.595.803.733	883.496.374
Thuế xuất nhập khẩu	53.542.993	(5.228.858.091)	5.363.199.865	187.884.767
Thuế khác	74.000.000	(3.000.094.965)	2.957.718.715	31.623.750
	4.653.263.806	(50.466.981.228)	46.916.722.313	1.103.004.891
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng trực tiếp	12.606.905.829	121.523.175.943	(115.878.247.549)	18.251.834.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.887.913.338	42.085.379.285	(65.383.335.384)	8.589.957.239
Thuế thu nhập cá nhân	645.896.896	8.213.717.210	(8.039.073.973)	820.540.133
Thuế khác	107.505.836	514.680.796	(514.680.796)	107.505.836
	45.248.221.899	172.336.953.234	(189.815.337.702)	27.769.837.431

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Cửa hàng tại trung tâm thương mại Sunrise	5.540.318.522	-
Chi phí xây dựng cửa hàng	739.090.200	739.090.200
	6.279.408.722	739.090.200

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	10.000.000.000	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thời trang
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	10.000.000.000	Cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn vàng, bạc, đá quý
				20.000.000.000	

Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO ("CFC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ ("PLC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký kinh doanh tọa lạc tại số 205 Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÀ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	30,62	30,62	91.866.300.000	Cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("DAL") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001739 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 43R/12 Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ, thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Đông Á ("DAB")	395.271.613.400	395.271.613.400
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	-	65.380.375.000
	395.271.613.400	460.651.988.400

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị VND	Hoạt động chính
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB") (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	7,69	7,69	395.271.613.400	Hoạt động kinh doanh liên quan đến hoạt động tài chính, ngân hàng

19. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND
Tại ngày 01/01/2014	701.850.324
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	219.612.528
Tại ngày 31/12/2014	921.462.852
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.575.489.218
Tại ngày 31/12/2015	2.496.952.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Forte Jewellery (HK)	13.580.648.775	13.580.648.775	18.437.084.070	18.437.084.070
Các đối tượng khác	177.909.591.095	177.909.591.095	123.003.856.375	123.003.856.375
	191.490.239.870	191.490.239.870	141.440.940.445	141.440.940.445

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	666.637.223	-
- Kinh phí công đoàn	2.557.060.341	4.836.644.804
- Bảo hiểm y tế	-	198.471.280
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	272.373.838
- Phải trả quỹ Hội đồng Quản trị	803.029.644	804.402.000
- Phải trả quỹ Ban Giám đốc	6.071.220.092	6.653.120.092
- Phải trả quỹ công đoàn	4.232.190.884	4.276.739.004
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	318.214.645	18.824.540
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.692.349.185	24.454.850.070
	28.340.702.014	41.515.425.628
b. Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.403.668.000	455.382.100
	31.744.370.014	41.970.807.728

A/V
 CH
 C
 ÁCH
 DE
 VI
 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	208.300.000.000	208.300.000.000	210.000.000.000	(418.300.000.000)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	138.453.326.647	138.453.326.647	392.160.577.691	(499.613.904.338)	31.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	122.893.085.681	122.893.085.681	745.451.352.007	(588.396.789.833)	279.947.647.855	279.947.647.855
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	90.000.000.000	90.000.000.000	450.000.000.000	(440.000.000.000)	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex	70.000.000.000	70.000.000.000	400.000.000.000	(470.000.000.000)	-	-
Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh	63.000.000.000	63.000.000.000	197.669.000.000	(195.000.000.000)	65.669.000.000	65.669.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000	240.000.000.000	(240.000.000.000)	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	20.393.013.713	20.393.013.713	326.569.133.751	(286.694.637.938)	60.267.509.526	60.267.509.526
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	15.900.000.000	15.900.000.000	341.460.000.000	(357.360.000.000)	-	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	15.385.000.000	15.385.000.000	80.000.000.000	(95.385.000.000)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế	-	-	86.135.607.619	(86.135.607.619)	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	-	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	-
Ngân hàng ANZ-Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	165.579.800.000	(165.579.800.000)	-	-
Các cá nhân	317.316.702.000	317.316.702.000	437.804.201.515	(483.548.602.000)	271.572.301.515	271.572.301.515
Trái phiếu phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	-	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	10.045.000.000	10.045.000.000	22.516.000.000	(5.757.000.000)	26.804.000.000	26.804.000.000
	1.131.686.128.041	1.131.686.128.041	4.495.345.672.583	(4.431.771.341.728)	1.195.260.458.896	1.195.260.458.896

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	31/12/2015 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á- Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Từ ngày 08 tháng 03 năm 2016 đến ngày 25 tháng 03 năm 2016	7	Hàng tồn kho, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 123 Hùng Vương, P.Hải Châu II, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
- Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	279.947.647.855	Từ ngày 07 tháng 03 năm 2016 đến ngày 28 tháng 06 năm 2016	5,5	Tin chấp
- Ngân hàng TNHH CTBC- Chi nhánh Hồ Chí Minh	65.669.000.000	Từ ngày 19 tháng 04 năm 2016 đến ngày 24 tháng 05 năm 2016	6,0 - 6,4	Hàng tồn kho
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	Từ ngày 20 tháng 01 năm 2016 đến ngày 02 tháng 03 năm 2016	5,3 - 5,6	Hàng tồn kho
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	60.267.509.526	Từ ngày 09 tháng 01 năm 2016 đến ngày 29 tháng 02 năm 2016	5	Tin chấp
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	31.000.000.000	Từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 05 tháng 2 năm 2016	5	Hàng tồn kho
Trái phiếu - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (*)	300.000.000.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2016	8,5	Cổ phiếu PNJ
Vay cá nhân	271.572.301.515		3 - 9	Tin chấp
Vay dài hạn đến hạn trả	26.804.000.000			
	1.195.260.458.896			

(*) Ngày 09 tháng 11 năm 2015, Công ty ký hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (gọi tắt là "OCB") về việc phát hành 300.000 trái phiếu theo mệnh giá (1.000.000 đồng/trái phiếu) để cấu trúc lại các khoản vay ngắn hạn và đầu tư vào mở rộng các cửa hàng, được thế chấp bởi 14.530.017 cổ phiếu của Công ty. Kỳ hạn của trái phiếu là 01 năm từ ngày 12 tháng 11 năm 2015 đến ngày 12 tháng 11 năm 2016 với lãi suất cố định 8,5%/năm. Cổ phiếu được Công ty PNJ thế chấp bao gồm 9.498.714 cổ phiếu PNJ của Bà Cao Thị Ngọc Dung- Tổng Giám đốc, 623.996 cổ phiếu PNJ của Bà Nguyễn Thị Cúc- Phó Tổng Giám đốc, 748.800 cổ phiếu PNJ của Ông Lê Hữu Hạnh- Phó Tổng giám đốc, 1.610.106 cổ phiếu PNJ của Quý Công đoàn PNJ và 2.048.041 cổ phiếu PNJ của Bà Phạm Thùy Lan Anh- Cổ đông.

23. VAY DÀI HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Gia trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Gia trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	78.128.000.000	78.128.000.000	34.710.000.000	(86.468.000.000)	26.370.000.000	26.370.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	59.001.000.000	59.001.000.000	215.774.000.000	(228.757.000.000)	46.018.000.000	46.018.000.000
Cá nhân	-	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	-
	137.129.000.000	137.129.000.000	256.484.000.000	(321.225.000.000)	72.388.000.000	72.388.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn còn số dư chi tiết như sau:

Ngân hàng	31/12/2015	Lãi suất năm %	Năm đạo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	41.660.000.000	6%	2020	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 52A+52B Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP.HCM; số 159A Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM; 577 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, 174 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	57.532.000.000	8,2%	2017	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 16;18;20 và 24/2 Đường Thú Khoa Huân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	(26.804.000.000)			
	<u>72.388.000.000</u>			

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	26.804.000.000	10.045.000.000
Trong năm thứ hai	28.194.000.000	78.128.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	44.194.000.000	59.001.000.000
Tại ngày 31 tháng 12	<u>99.192.000.000</u>	<u>147.174.000.000</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 22)	26.804.000.000	10.045.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>72.388.000.000</u>	<u>137.129.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	183.705.050.783	229.426.913.602	1.274.116.874.385
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	256.701.330.299	256.701.330.299
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(151.192.652.000)	(151.192.652.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	(90.714.882.200)	(90.714.882.200)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.100.000.000	(49.100.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(22.200.000.000)	(22.200.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	232.805.050.783	172.920.709.701	1.266.710.670.484
Tăng vốn điều lệ	226.775.420.000	(105.021.650.000)	-	(46.157.440.000)	(75.596.330.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	159.618.661.348	159.618.661.348
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(22.678.897.800)	(22.678.897.800)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	33.000.000.000	(33.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.587.181.000)	(25.587.181.000)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	982.745.770.000	-	(7.090.000)	219.647.610.783	170.676.962.249	1.373.063.253.032

Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 544/2015/NQ-DHĐCD-CTY ngày 15 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Chia Cổ tức năm 2014 với số tiền 188.990.819.000 đồng, trong đó, Công ty đã chi tạm ứng đợt 1 trong năm 2014 với số tiền là 90.714.882.200 đồng; chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thường là 75.596.330.000 đồng và chi trả bằng tiền mặt là 22.678.897.800 đồng trong năm 2015.

- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác với số tiền lần lượt là 33.000.000.000 đồng; 25.587.181.000 đồng và 5.000.000 đồng.

Trong năm, Cổ đông thông qua phương án phát hành thêm 22.677.542 cổ phần, trong đó 7.559.633 cổ phần tương ứng 75.596.330.000 đồng để trả cổ tức năm 2014 và 15.119.265 cổ phiếu thường tương ứng 151.192.650.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty hoàn thành thủ tục tăng vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận theo quyết định số 288/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cổ phần – Cổ phần phổ thông

	31/12/2015	31/12/2014
	Số cổ phần	Số cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	98.274.577	75.597.035
<i>Cổ phần phổ thông</i>	98.274.577	75.597.035
Số lượng cổ phiếu quỹ	(709)	(709)
<i>Cổ phần phổ thông</i>	(709)	(709)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	98.273.868	75.596.326
<i>Cổ phần phổ thông</i>	98.273.868	75.596.326

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	Đăng ký Kinh doanh		31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Cao Thị Ngọc Dung	99.667.140.000	10,14%	99.667.140.000	19.156.000.000
Nguyễn Thị Cúc	9.424.960.000	0,96%	9.424.960.000	2.000.000.000
Nguyễn Vũ Phan	8.969.960.000	0,91%	8.969.960.000	2.000.000.000
Cổ đông khác	864.683.710.000	87,99%	864.683.710.000	732.814.350.000
	982.745.770.000	100%	982.745.770.000	755.970.350.000

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ	USD	68.831	8.382
Đô la Úc	AUD	519	30.006
Đô la Singapore	SGD	174	-

Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận đang nhận cầm cố, thế chấp các sản phẩm trang sức vàng và đá quý có giá trị tại 31 tháng 12 năm 2015 là 3.302.900.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.554.300.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Nợ khó đòi đã xử lý**

Trong năm Ban giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi và xóa sổ các khoản nợ khó đòi sau:

	2015
	VND
Hồ Văn Mỹ	
Bùi Minh Kỳ	4.247.179.715
Khác	662.043.053
	<u><u>4.909.222.768</u></u>

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán vàng và bạc	7.792.283.699.761	7.270.771.044.287
Doanh thu bán phụ kiện	19.285.807.269	14.722.495.005
Dịch vụ cung cấp dịch vụ	8.647.003.965	8.680.346.797
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	<u>(122.269.218.874)</u>	<u>(80.844.439.967)</u>
	<u><u>7.697.947.292.121</u></u>	<u><u>7.213.329.446.122</u></u>
Hàng bán bị trả lại	<u>(32.772.062.485)</u>	<u>(15.774.625.318)</u>
	<u><u>7.665.175.229.636</u></u>	<u><u>7.197.554.820.804</u></u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn bán vàng, bạc và cung cấp dịch vụ	6.513.591.201.185	6.397.043.030.577
Giá vốn bán phụ kiện	13.234.479.236	10.339.492.458
	<u><u>6.526.825.680.421</u></u>	<u><u>6.407.382.523.035</u></u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.058.820.600.404	6.464.574.769.169
Chi phí nhân công	366.181.456.157	301.530.232.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.185.600.250	20.878.766.466
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.562.381.789	46.023.444.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.920.456.512	76.315.862.406
Chi phí bằng tiền khác	132.556.349.411	102.217.185.445
	<u><u>6.741.226.844.523</u></u>	<u><u>7.011.540.260.278</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	35.869.675.477
Cổ tức nhận được	24.000.000.000	11.592.320.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.081.780.830	409.104.517
Lãi tiền gửi	104.905.713	199.617.710
Khác	16.054.507	768.978
	<u>25.202.741.050</u>	<u>48.071.487.482</u>

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	81.048.729.469	72.826.281.233
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	300.270.750.000	12.832.323.710
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	39.228.225.000	6.772.956.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.253.442.646	964.406.647
Khác	1.001.856.346	1.658.496.601
	<u>430.803.003.461</u>	<u>95.054.464.191</u>

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	18.288.814.557	10.290.686.002
Chi phí nhân viên	180.521.472.970	138.276.038.361
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.670.479.936	19.952.029.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.039.449.304	3.174.188.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.908.931.984	68.223.188.313
Chi phí bằng tiền khác	95.123.042.447	71.023.434.933
	<u>414.552.191.198</u>	<u>310.939.565.559</u>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	134.424.660	120.760.100
Chi phí nhân viên quản lý	64.275.892.398	66.135.473.980
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.271.402.290	4.961.505.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.300.718.453	5.967.671.880
Thuế, phí và lệ phí	260.977.200	167.344.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.606.823.432	4.069.488.369
Chi phí bằng tiền khác	29.570.802.581	24.521.400.256
	<u>115.421.041.014</u>	<u>105.943.645.106</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	42.130.046.409	70.308.883.318
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>42.130.046.409</u>	<u>70.308.883.318</u>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.575.489.218)	(219.612.528)
	<u>(1.575.489.218)</u>	<u>(219.612.528)</u>

35. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	68.388.253.744	37.340.047.682

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	61.519.354.281	50.895.130.269
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	162.681.151.732	120.774.255.680
Sau năm năm	84.933.286.000	61.506.640.000
	<u>309.133.792.013</u>	<u>233.176.025.949</u>

Thuế hoạt động chủ yếu là chi phí thuế mặt bằng liên quan đến các cửa hàng đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam của Công ty.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo**Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	1.267.648.458.896	1.268.815.128.041
Trừ: Tiền	(34.348.296.246)	(35.139.719.411)
Nợ thuần	1.233.300.162.650	1.233.675.408.630
Vốn chủ sở hữu	1.373.063.253.032	1.266.710.670.484
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,90	0,97

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền	34.348.296.246	35.139.719.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.964.359.209	72.211.209.746
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	54.218.085.537	531.735.510.537
	152.595.740.992	639.151.439.694
Các khoản vay	1.267.648.458.896	1.268.815.128.041
Phải trả người bán và phải trả khác	220.677.549.543	178.104.258.251
Chi phí phải trả	4.909.222.768	4.188.467.510
	1.493.235.231.207	1.451.107.853.802

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro phù hợp. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo**Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	11.523.520.447	10.281.528.188	27.715.094.254	124.890.783.407
Đô la Úc (AUD)	8.459.304	543.430.896	1.469.232.815	543.153.309
Đô la Hồng Kong (HKD)	-	2.825.400	-	-
Euro (EUR)	817.969.786	1.200.157.800	258.738.849	34.954.365.219
Đô la Sing (SGD)	<u>2.900.352</u>	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 781.617.144 đồng (năm 2014: 7.418.173.132 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 19.352.969.178 đồng (năm 2014: 25.376.302.561 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	34.348.296.246	-	34.348.296.246
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.122.884.169	20.841.475.040	63.964.359.209
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000	-	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	54.218.085.537	54.218.085.537
	77.536.180.415	75.059.560.577	152.595.740.992
Các khoản vay	1.195.260.458.896	72.388.000.000	1.267.648.458.896
Phải trả người bán và phải trả khác	220.222.167.443	455.382.100	220.677.549.543
Chi phí phải trả	4.909.222.768	-	4.909.222.768
	1.420.391.849.107	72.843.382.100	1.493.235.231.207
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.342.855.668.692)	2.216.178.477	(1.340.639.490.215)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	35.139.719.411	-	35.139.719.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.197.176.996	13.014.032.750	72.211.209.746
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000	-	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	531.735.510.537	531.735.510.537
	94.401.896.407	544.749.543.287	639.151.439.694
Các khoản vay	1.131.686.128.041	137.129.000.000	1.268.815.128.041
Phải trả người bán và phải trả khác	177.648.876.151	455.382.100	178.104.258.251
Chi phí phải trả	4.188.467.510	-	4.188.467.510
	1.313.523.471.702	137.584.382.100	1.451.107.853.802
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.219.121.575.295)	407.165.161.187	(811.956.414.108)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức trung bình vì Công ty có một lượng hàng tồn kho là vàng, nữ trang có giá trị lớn và tính thanh khoản cao. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á
 Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO
 Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ
 Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á

Mối quan hệ

Bên liên quan
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	35.729.533.059	17.700.241.109
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	720.000.000	-
	<u>36.449.533.059</u>	<u>17.700.241.109</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	423.080.075	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	3.499.947.727	6.092.656.665
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	761.730.003	398.264.997
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	31.575.941.645	6.702.223.600
	<u>36.260.699.450</u>	<u>13.193.145.262</u>
Mua quyền sử dụng đất		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	6.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	12.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	-	7.699.250.000
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	12.000.000.000	3.800.000.000
	<u>30.500.000.000</u>	<u>11.499.250.000</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	-	572.499.629
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	8.000.000.000	4.979.800.000
Các khoản phải trả người bán		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	1.146.450.000	1.478.374.997
Khách hàng ứng tiền trước		
Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO	603.340.214	-
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	3.113.260.274	15.030.000.000
Vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	41.660.000.000	78.128.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ	6.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm:

	2015	2014
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>7.314.937.003</u>	<u>8.445.600.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỠ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 3.751.936.495 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong năm 2014 và không bao gồm 4.247.179.715 đồng, là số chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả trong năm bao gồm 22.678.897.800 đồng, là số cổ tức phát sinh năm 2014 và không bao gồm 75.596.330.000 đồng, là khoản cổ tức phát sinh trong năm dùng để tăng vốn.

Tiền lãi từ hoạt động đầu tư không bao gồm 8.000.000.000 đồng cổ tức từ Công ty con nhưng chưa nhận được và 16.000.000.000 đồng đã được thanh toán bù trừ với khoản phải trả cho công ty con. Vì vậy, một khoản tương ứng lần lượt được điều chỉnh trên phần giảm/(tăng) các khoản phải thu và tăng các khoản phải trả.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo tại	Phân loại lại theo	Số sau phân loại lại
		31/12/2014	Thông tư 200	tại 31/12/2014
		VND	VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.692.036.746.981	(13.014.032.750)	1.679.022.714.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	234.599.264.879	(234.599.264.879)	-
2. Các khoản tương đương tiền (*)	112	234.599.264.879	(234.599.264.879)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	22.781.778.617	644.633.055	23.426.411.672
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	22.781.778.617	(256.815.230)	22.524.963.387
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	901.448.285	901.448.285
IV. Hàng tồn kho	140	1.420.997.037.680	234.599.264.879	1.655.596.302.559
1. Hàng tồn kho	141	1.420.997.037.680	234.599.264.879	1.655.596.302.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	13.658.665.805	(13.658.665.805)	-
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	155	13.658.665.805	(13.658.665.805)	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	-	13.014.032.750	13.014.032.750
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	13.014.032.750	13.014.032.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	13.014.032.750	13.014.032.750

00-002
NHÁNH
IG TY
EM HUU
DITTI
NAM
P. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***NGUỒN VỐN**

C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.268.815.128.041	-	1.268.815.128.041
I. Nợ ngắn hạn	310	1.131.686.128.041	-	1.131.686.128.041
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	1.131.686.128.041	(1.131.686.128.041)	-
7. Vay ngắn hạn	320	-	1.131.686.128.041	1.131.686.128.041
II. Nợ dài hạn	330	137.129.000.000	-	137.129.000.000
1. Vay và nợ dài hạn (*)	337	137.129.000.000	(137.129.000.000)	-
2. Vay dài hạn	338	-	137.129.000.000	137.129.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	232.805.050.783	-	232.805.050.783
I. Vốn chủ sở hữu	410	232.805.050.783	-	232.805.050.783
3. Quỹ dự phòng tài chính (*)	415	66.734.153.783	(66.734.153.783)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	166.070.897.000	66.734.153.783	232.805.050.783


(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo mã số khác với mã số trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.294.173.886.089	(80.844.439.967)	7.213.329.446.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(96.619.065.285)	80.844.439.967	(15.774.625.318)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
- Tăng các khoản phải thu	09	(13.719.176.341)	(2.021.103.347)	(15.740.279.688)
- Tăng hàng tồn kho	10	(438.911.772.320)	20.207.288.054	(418.704.484.266)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(47.174.283.526)	2.021.103.347	(45.153.180.179)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(189.337.474.301)	20.207.288.054	(169.130.186.247)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(23.184.023.897)	20.207.288.054	(2.976.735.843)
Tiền đầu năm	60	292.923.008.187	(254.806.552.933)	38.116.455.254
Tiền cuối năm	70	<u>269.738.984.290</u>	<u>(234.599.264.879)</u>	<u>35.139.719.411</u>


Nguyễn Thành Đạt
Người lập biểu


Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 01 tháng 3 năm 2016